

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU HUẤN CÁN BỘ QUẢN LÝ

**Về triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và
thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh
trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”**

(Tài liệu tập huấn hiệu trưởng các trường trung học phổ thông)

TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ

Tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN 1	3
A. Tổng quan về chương trình giáo dục phổ thông mới	3
I. Khái niệm chương trình giáo dục phổ thông	3
II. Lý do đổi mới chương trình giáo dục phổ thông	4
III. Cơ sở của việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông	5
IV. Những điểm mới của giáo dục phổ thông mới	8
B. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới tại các địa phương, cơ sở giáo dục trung học phổ thông	28
I. Đối với sở giáo dục và đào tạo	28
II. Đối với các trường trung học phổ thông	29
III. Đối với các tổ/nhóm chuyên môn	30
IV. Đối với giáo viên	31

PHẦN 1

Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 51/2017/QH14 và Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội và Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong các trường trung học phổ thông

A. Tổng quan về chương trình giáo dục phổ thông mới

I. Khái niệm chương trình giáo dục phổ thông

1. Chương trình giáo dục phổ thông là gì?

Theo quy định tại Điều 29 Luật Giáo dục, “*Chương trình giáo dục phổ thông thể hiện mục tiêu giáo dục phổ thông; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục phổ thông, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp và mỗi cấp học của giáo dục phổ thông*”.

Luật Giáo dục cũng quy định: “*Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành chương trình giáo dục phổ thông, duyệt sách giáo khoa để sử dụng chính thức, ổn định, thống nhất trong giảng dạy, học tập ở các cơ sở giáo dục phổ thông, trên cơ sở thẩm định của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa*”.

Như vậy, có thể hiểu chương trình giáo dục phổ thông là một văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành, làm căn cứ để viết sách giáo khoa, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả giáo dục ở bậc học phổ thông.

2. Chương trình tổng thể và các chương trình môn học, hoạt động giáo dục

Theo quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BGDĐT ngày 6/6/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn, quy trình xây dựng, chỉnh sửa chương trình giáo dục phổ thông; tổ chức, hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục phổ thông bao gồm chương trình tổng thể và các chương trình môn học.

Chương trình tổng thể là văn bản quy định những vấn đề chung nhất, có tính chất định hướng của chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông và mục tiêu chương trình từng giáo dục của cấp học, yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của học sinh cuối mỗi cấp học, hệ thống môn học và hoạt động giáo dục (sau đây gọi chung là môn học), thời lượng của từng môn học, định hướng nội dung giáo dục bắt buộc ở từng cấp học đối với tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc, định hướng về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục, điều kiện tối thiểu để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

Chương trình môn học là văn bản xác định vị trí, vai trò môn học trong thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông, mục tiêu và yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục cốt lõi của môn học ở mỗi lớp hoặc cấp học đối với tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc, định hướng kế hoạch dạy học môn học ở mỗi lớp và mỗi cấp học, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục của môn học.

II. Lý do đổi mới chương trình giáo dục phổ thông

Trong khi bối cảnh trong nước và quốc tế có những biến đổi sâu sắc, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh mới rất cấp bách thì bên cạnh những ưu điểm, chương trình giáo dục phổ thông hiện hành có nhiều hạn chế, bất cập, thể hiện qua mấy điểm chính sau đây:

- Mới chú trọng việc truyền đạt kiến thức, chưa đáp ứng tốt yêu cầu về hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh; chưa coi trọng hướng nghiệp.

- Quan điểm tích hợp và phân hoá chưa được quán triệt đầy đủ; các môn học được thiết kế chủ yếu theo kiến thức các lĩnh vực khoa học, chưa thật sự coi trọng yêu cầu về sự phạm; một số nội dung của một số môn học chưa đảm bảo tính hiện đại, cơ bản, còn nhiều kiến thức hàn lâm, nặng với học sinh.

- Nhìn chung, nội dung chương trình chưa thật sự thiết thực, chưa coi trọng kỹ năng thực hành, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế.

- Hình thức tổ chức giáo dục chủ yếu là dạy học trên lớp, chưa coi trọng việc tổ chức các hoạt động xã hội, hoạt động trải nghiệm. Phương pháp giáo dục và đánh giá

chất lượng giáo dục nhìn chung còn chậm đổi mới, chưa chú trọng dạy cách học và phát huy tính chủ động, khả năng sáng tạo của học sinh.

- Trong thiết kế chương trình, chưa quán triệt rõ mục tiêu, yêu cầu của hai giai đoạn giáo dục (giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp); chưa bảo đảm tốt tính liên thông trong từng môn học và giữa các môn học, trong từng lớp, từng cấp và giữa các lớp, các cấp học; còn hạn chế trong việc phát huy vai trò tự chủ của nhà trường và tính tích cực, sáng tạo của giáo viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục; chưa đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục của các vùng khó khăn; việc tổ chức, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện chương trình còn thiếu tính hệ thống.

Như vậy cần có chương trình giáo dục phổ thông mới để khắc phục những hạn chế, bất cập nói trên của chương trình hiện hành nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước.

III. Cơ sở của việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông

1. Cơ sở pháp lý

Ngày 4/11/2013, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XI) đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Quan điểm chỉ đạo đổi mới giáo dục của Nghị quyết là: *“Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lí luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.”* Tư tưởng này hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển giáo dục trên thế giới hiện nay.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 88/2014/QH13).

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội, ngày 27/3/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 404/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới

chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (sau đây gọi tắt là Quyết định số 404/QĐ-TTg).

Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội và Quyết định số 404/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định mục tiêu đổi mới, các nguyên tắc, yêu cầu, định hướng, nội dung và lộ trình đổi mới, trách nhiệm của các Bộ, Ngành, cơ quan nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong đó có những điểm sau:

- Giáo dục phổ thông 12 năm, gồm hai giai đoạn giáo dục: giai đoạn giáo dục cơ bản (gồm cấp tiểu học 5 năm và cấp trung học cơ sở 4 năm) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp cấp trung học phổ thông 3 năm. Giáo dục cơ bản bảo đảm trang bị cho học sinh tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở. Giáo dục định hướng nghề nghiệp bảo đảm học sinh tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng;

- Đổi mới nội dung giáo dục phổ thông theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và định hướng nghề nghiệp; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên;

- Thực hiện một chương trình giáo dục phổ thông thống nhất nhưng mềm dẻo, linh hoạt; Bộ GD&ĐT chủ trì xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình giáo dục phổ thông [...]; Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương tổ chức biên soạn bổ sung những nội dung về đặc điểm lịch sử, văn hóa và kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời dành thời lượng cho cơ sở giáo dục chủ động vận dụng để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường;

- Chương trình giáo dục phổ thông phải phù hợp với điều kiện thực tiễn về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, kỹ thuật của nhà trường và khả năng tiếp thu của học sinh;

- Tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng: phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, bồi dưỡng

phương pháp tự học, hứng thú học tập, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tư duy độc lập;

- Đổi mới căn bản phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục theo hướng hỗ trợ phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Ngày 21/11/2017, Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 51/2017/QH14 điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 51/2017/QH14), theo đó *“thời gian bắt đầu triển khai áp dụng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, đảm bảo tuân thủ trong từng cấp học, chậm nhất từ năm học 2020-2021 đối với lớp đầu cấp của cấp tiểu học, từ năm học 2021-2022 đối với lớp đầu cấp của cấp trung học cơ sở và từ năm học 2022-2023 đối với lớp đầu cấp của cấp trung học phổ thông.”*

Để triển khai việc xây dựng chương trình theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Trung ương Đảng và quy định của các Luật, các Nghị quyết, Quyết định của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ, ngày 06/6/2017, Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 14/2017/TT-BGDĐT Quy định tiêu chuẩn, quy trình xây dựng, chỉnh sửa chương trình giáo dục phổ thông; tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quốc gia Thẩm định chương trình giáo dục phổ thông (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2017/TT-BGDĐT). Nội dung Thông tư quy định về nội dung chương trình giáo dục phổ thông, nguyên tắc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông, tiêu chuẩn chương trình tổng thể, tiêu chuẩn chương trình môn học, quy trình xây dựng chương trình giáo dục phổ thông, quy trình chỉnh sửa chương trình giáo dục phổ thông, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quốc gia Thẩm định chương trình giáo dục phổ thông.

Chương trình giáo dục phổ thông phải tuân thủ quy định của các văn bản trên và quy định của Luật Giáo dục, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ sở lý luận và thực tiễn

Chương trình giáo dục phổ thông mới được xây dựng dựa trên:

-Những nghiên cứu về đặc điểm con người, văn hóa Việt Nam, các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị chung của nhân loại;

- Những tiến bộ của thời đại về khoa học – công nghệ và xã hội;
- Thành tựu nghiên cứu về tâm lí học và giáo dục học, đáng chú ý nhất là lí thuyết kiến tạo của J. Piaget, L. Vygotsky, J. Dewey,...; lí thuyết về “vùng phát triển gần nhất” của L. Vygotsky; lí thuyết đa trí tuệ của H. Gardner;
- Lí luận và kinh nghiệm xây dựng chương trình giáo dục phổ thông của các nền giáo dục tiên tiến.
- Kết quả phân tích bối cảnh trong nước và quốc tế cũng như kết quả đánh giá chương trình giáo dục phổ thông hiện hành so với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực, phát triển con người trong bối cảnh mới.

IV. Những điểm mới của giáo dục phổ thông mới

1. Mục tiêu giáo dục

Chương trình giáo dục phổ thông mới xác định mục tiêu giáo dục dựa trên quy định về mục tiêu giáo dục trong Luật Giáo dục hiện hành của Việt Nam, đồng thời tham khảo mục tiêu giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông của nhiều quốc gia và định hướng giáo dục của các tổ chức quốc tế lớn, trong đó có Tuyên bố của UNESCO về “bốn trụ cột của giáo dục” (Pillars of Learning) – Học để biết, Học để làm, Học để chung sống, Học để tự khẳng định mình. Các ý tưởng cơ bản trong tuyên bố này được coi là mục tiêu giáo dục chung mà nhân loại hướng đến và đã được thể hiện đầy đủ trong phần mục tiêu giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Cụ thể là: chương trình giáo dục phổ thông giúp người học làm chủ kiến thức phổ thông; biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời; có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp; biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội; có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú; nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

2. Mô hình chương trình

2.1. Xu thế đổi mới mô hình chương trình

Mô hình giáo dục truyền thống, phổ biến ở Việt Nam và trên toàn thế giới trong hàng nghìn năm qua là “truyền thụ kiến thức”. Cách tiếp cận này lấy kiến thức làm mục tiêu tự thân của giáo dục, biến người học thành đối tượng tiếp nhận thụ động.

Khi khối lượng tri thức của nhân loại tích lũy được đã quá lớn và nhân lên từng ngày mà thời gian học tập lại có hạn, trong khi người học cần có khả năng giải quyết vấn đề và thích ứng với những thay đổi không lường trước được trong tương lai thì mô hình giáo dục truyền thống không còn thích hợp, thậm chí trở thành lực cản của sự tiến bộ xã hội. Vì vậy mà nhiều tổ chức quốc tế lớn như EU, OECD, WEF và nhiều quốc gia phát triển như Anh, Australia, Mỹ, Phần Lan, Singapore,... đã nghiên cứu và xây dựng khung các năng lực cơ bản, thiết yếu mà bất kỳ ai cũng cần phải có để sống, học tập và làm việc hiệu quả, làm cơ sở để hoạch định chính sách và cách tiếp cận đối với giáo dục, trong đó có xây dựng chương trình giáo dục phổ thông. Mô hình chương trình phát triển năng lực được phổ biến trong bối cảnh đó.

Xây dựng chương trình theo mô hình phát triển năng lực là xu thế chung, phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới trong mấy thập niên gần đây. Tuy trong văn bản chương trình một số nước không dùng thuật ngữ “năng lực” (*competency*) mà dùng “kỹ năng” (*skill*) và không gọi tên “chương trình theo mô hình phát triển năng lực” (*competency-based curriculum*) một cách hiển ngôn, nhưng thực chất đều là mô hình chương trình chú trọng giúp học sinh vận dụng kiến thức vào học tập và đời sống ngay trong quá trình học, nhờ đó học sinh có được những năng lực cần thiết để sống và làm việc suốt đời.

Đặc trưng của mô hình chương trình giáo dục phát triển năng lực là lấy hệ thống các năng lực cốt lõi với tư cách là sự cụ thể hóa mục tiêu giáo dục để thiết kế các thành tố còn lại của chương trình, từ nội dung giáo dục đến phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục.

2.2. Cách tiếp cận của chương trình giáo dục phổ thông mới: Hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho người học

2.2.1. Chương trình hình thành và phát triển phẩm chất

a) Khái niệm phẩm chất

Các văn kiện của Đảng và Nhà nước về đổi mới giáo dục như Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Quyết định số 404/QĐ-TTg đều xác định yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

Nghị quyết số 88/2014/QH13 xác định: “*Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi học sinh.*”

Trong tiếng Việt, *phẩm chất* được hiểu là cái làm nên giá trị của người hay vật. Tâm lí học phân biệt *phẩm chất tâm lí* với *phẩm chất trí tuệ*. Đặt trong sự đối sánh với *năng lực*, khái niệm *phẩm chất* nêu trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước về đổi mới giáo dục có nghĩa là *đạo đức*. Yêu cầu “phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực” là sự tiếp nối truyền thống xây dựng con người toàn diện, có đức có tài, của dân tộc.

Trong giáo dục cũng như trong đời sống, phẩm chất (đức) được đánh giá bằng hành vi, còn năng lực (tài) được đánh giá bằng hiệu quả của hành động.

b) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và căn cứ xác định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất của người học

Chương trình giáo dục phổ thông mới hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu sau: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Căn cứ để xác định các phẩm chất chủ yếu nói trên là những phẩm chất của con người Việt Nam được nêu trong các văn kiện của Đảng về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam như: Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Nghị quyết số 03-NQ/TW xác định 5 nhóm phẩm chất của con người Việt Nam như sau: 1) Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; 2) Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung; 3) Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái; 4) Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội; 5) Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Từ 5 nhóm nói trên, sau khi gộp một số đặc tính trùng nhau hoặc gần nhau (*cần kiệm, chăm chỉ và thường xuyên học tập, rèn luyện; đoàn kết và nhân nghĩa*) vào một từ khóa và chuyển *sáng tạo* sang phạm trù năng lực, có thể rút ra 5 phẩm chất như sau: *yêu nước, nhân nghĩa, cần kiệm, trung thực, kỷ cương*.

Nghị quyết số 33-NQ/TW nêu ra 7 đặc tính của con người Việt Nam: *yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo*. Sau khi gộp một số đặc tính trùng nhau hoặc gần nhau (*nhân ái, nghĩa tình, đoàn kết*) vào một từ khóa và chuyển *sáng tạo* sang phạm trù năng lực, có thể rút ra 4 phẩm chất như sau: *yêu nước, nhân ái, trung thực, cần cù*.

Có thể thấy những phẩm chất chủ yếu cần hình thành, phát triển cho học sinh nêu trong chương trình giáo dục phổ thông mới (*yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*) phù hợp với yêu cầu xây dựng con người Việt Nam trong hai nghị quyết của BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

c) Cách thức hình thành và phát triển phẩm chất cho người học

Trong giáo dục, phẩm chất của người học được hình thành và phát triển bằng hai cách:

- Thông qua nội dung kiến thức của một số môn học. Ví dụ, tinh thần yêu nước có thể được hun đúc thông qua nội dung của các môn Lịch sử, Giáo dục công dân, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Hoạt động trải nghiệm và một số nội dung của các môn Ngữ văn, Địa lí, Sinh học,... Phần lớn các môn học này cũng bồi dưỡng cho học sinh lòng

nhân ái, khoan dung, ý thức tôn trọng các nền văn hóa khác nhau, tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.

- Thông qua phương pháp và hình thức giáo dục. Ví dụ, tính chăm chỉ, thái độ trung thực và tinh thần trách nhiệm từng bước được hình thành và phát triển thông qua lao động học tập hằng ngày dưới sự hướng dẫn, rèn luyện của thầy cô.

2.2.2. Chương trình hình thành và phát triển năng lực

a) Khái niệm năng lực

Các tài liệu về giáo dục đã nêu ra nhiều định nghĩa khác nhau về *năng lực* (competency). Tổ chức OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế Thế giới) (2002) quan niệm năng lực là “khả năng đáp ứng một cách hiệu quả những yêu cầu phức hợp trong một bối cảnh cụ thể.” Định nghĩa này nêu được đặc trưng quan trọng nhất để nhận diện năng lực là “hiệu quả”, nhưng chưa làm rõ được cấu trúc của năng lực. Cấu trúc của năng lực được chỉ ra trong bài viết của F. Weinert (2001). Theo ông, năng lực là “tổng hợp các khả năng và kĩ năng sẵn có hoặc học được cũng như sự sẵn sàng của học sinh nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh và hành động một cách có trách nhiệm, có sự phê phán để đi đến giải pháp.” Qua định nghĩa này, F. Weinert cũng nói tới sự đóng góp của những yếu tố “sẵn có” ở mỗi cá nhân vào việc phát triển năng lực của bản thân. Cùng chia sẻ quan điểm của F. Weinert, nhà tâm lí học D. Tremblay (2002) cho rằng năng lực là “khả năng hành động, thành công và tiến bộ dựa vào việc huy động và sử dụng hiệu quả tổng hợp các nguồn lực để đối mặt với các tình huống trong cuộc sống.”

Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể giải thích khái niệm năng lực là: *“thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.”*

Từ định nghĩa trên, có thể rút ra những đặc điểm chính của năng lực là:

- Năng lực là sự kết hợp giữa tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện của người học;

- Năng lực là sự tích hợp của kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,...;

- Năng lực được hình thành, phát triển thông qua hoạt động và thể hiện ở sự thành công trong hoạt động thực tiễn.

b) Yêu cầu cần đạt về năng lực và căn cứ xác định yêu cầu cần đạt về năng lực của người học

Chương trình giáo dục phổ thông mới hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi sau:

(1) Những năng lực chung được tất cả các môn học và hoạt động giáo dục góp phần hình thành, phát triển: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;

(2) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

Bên cạnh việc hình thành, phát triển các năng lực cốt lõi, chương trình giáo dục phổ thông còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu của học sinh.

Căn cứ để xác định các năng lực cốt lõi trong chương trình giáo dục phổ thông mới là chương trình giáo dục phổ thông của một số nước phát triển và một số tài liệu giáo dục của các tổ chức quốc tế. Trong thời gian gần đây, nhiều quốc gia xây dựng lại chương trình giáo dục phổ thông, thể hiện ngày càng rõ nét cách tiếp cận chương trình phát triển năng lực, lấy các năng lực cốt lõi hoặc năng lực chung làm xuất phát điểm của quá trình xây dựng chương trình. Chẳng hạn, chương trình giáo dục phổ thông của Australia có 7 năng lực chung (general capabilities): 1) giao tiếp; 2) tính toán; 3) ICT; 4) tư duy phản biện và sáng tạo; 5) cá nhân và xã hội; 6) thấu hiểu về đạo đức; 7) hiểu biết liên văn hóa. chương trình giáo dục phổ thông của Phần Lan có 7 năng lực chung (transversal competencies): 1) Tư duy và tự học; 2) Văn hóa, tương

tác và biểu hiện bản thân; 3) Chăm sóc bản thân và quản trị đời sống hằng ngày; 4) Giao tiếp đa phương thức; 5) ICT; 6) Làm việc và lập nghiệp, kinh doanh; 7) Tham gia và xây dựng một tương lai bền vững.

Về tài liệu giáo dục của các tổ chức quốc tế, có ba tài liệu chủ yếu sau: *The Definition and Selection of Key Competencies: Executive Summary* (Xác định và lựa chọn các năng lực cốt lõi: Tóm tắt) của OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế, năm 2005); *Key Competencies for Lifelong Learning - A European Reference Framework* (Các năng lực cốt lõi để học tập suốt đời - Khung tham chiếu châu Âu) của EU (Liên minh châu Âu, năm 2006); *New Vision for Education: Unlocking the Potential of Technology* (Tầm nhìn mới về giáo dục: Mở khóa cho tiềm năng của công nghệ) của WEF (Diễn đàn Kinh tế Thế giới, năm 2015).

Tài liệu của OECD đưa ra 3 nhóm năng lực cốt lõi là: 1) Sử dụng có tính tương tác các phương tiện thông tin và công cụ, bao gồm: khả năng sử dụng tương tác ngôn ngữ, ký hiệu và văn bản; khả năng sử dụng tương tác tri thức và thông tin; khả năng sử dụng tương tác các công nghệ; 2) Tương tác trong các nhóm không đồng nhất, bao gồm: Khả năng duy trì các mối quan hệ tốt với những người khác; khả năng hợp tác; khả năng giải quyết các xung đột; 3) Khả năng hành động tự chủ, bao gồm: khả năng hành động trong các nhóm phức hợp; khả năng tổ chức và thực hiện các kế hoạch về cuộc sống và dự án cá nhân; khả năng nhận thức các quyền, lợi ích, giới hạn và nhu cầu cá nhân.

Đây là những năng lực chung mà tất cả các môn học và hoạt động giáo dục đều cần và có thể hình thành, phát triển ở học sinh. Dựa vào bản chất của các nhóm năng lực này, chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam đã đặt lại tên và thay đổi vị trí sắp xếp các năng lực cho phù hợp với quan niệm truyền thống: năng lực Tự chủ và tự học (năng lực thể hiện trong quan hệ với bản thân), năng lực Giao tiếp và hợp tác (năng lực thể hiện trong quan hệ với người khác), năng lực Giải quyết vấn đề và sáng tạo (năng lực thể hiện trong quan hệ với công việc).

Tài liệu của EU đưa ra 8 năng lực cốt lõi: 1) Giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ; 2) Giao tiếp bằng tiếng nước ngoài; 3) Năng lực toán học và năng lực trong khoa học tự nhiên và công nghệ; 4) Năng lực kỹ thuật số; 5) Năng lực học tập (học cách học);

6) Năng lực xã hội và công dân; 7) Sáng kiến và tinh thần kinh doanh; 8) Ý thức văn hóa và khả năng biểu đạt văn hóa.

EU đưa ra những năng lực này để xác định các lĩnh vực giáo dục và căn cứ đánh giá kết quả giáo dục. Đây là những năng lực đặc thù, mỗi năng lực gắn với một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định.

Tài liệu của WEF đưa ra 3 nhóm kỹ năng (*Skills*) của thế kỷ 21 là: 1) Học vấn nền tảng (*Foundational Literacies*), bao gồm: học vấn nền tảng về đọc viết, học vấn nền tảng về tính toán, học vấn nền tảng về khoa học, học vấn nền tảng về công nghệ thông tin, học vấn nền tảng về tài chính, văn hóa nền tảng về công dân và xã hội; 2) Năng lực (*Competencies*), bao gồm: tư duy phản biện/giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác; 3) Phẩm chất (*Character Qualities*), bao gồm: ham tìm hiểu, sáng kiến, kiên trì/dũng cảm, ứng dụng, lãnh đạo, hiểu biết về xã hội và văn hóa.

Có thể thấy nhóm (i) tương tự 8 năng lực cốt lõi của tài liệu EU; nhóm (ii) tương tự 3 nhóm năng lực của tài liệu OECD; còn nhóm (iii) là sự pha trộn cả phẩm chất và năng lực.

Tóm lại, có thể thấy 3 năng lực chung và 7 năng lực đặc thù mà chương trình giáo dục phổ thông mới của Việt Nam nêu ra về cơ bản phù hợp với quan niệm và danh sách các năng lực cốt lõi được xác định trong chương trình giáo dục phổ thông của một số nước và các tài liệu đã dẫn của OECD, EU và WEF.

c) Cách thức hình thành và phát triển năng lực cho người học

Để phát triển năng lực của người học, chương trình giáo dục phổ thông chú trọng những vấn đề sau:

- Dạy học phân hóa để phát huy tốt nhất tiềm năng, sở trường, phù hợp với sở thích, hứng thú của mỗi học sinh;
- Dạy học thông qua các chủ đề, học phần, môn học tích hợp để gắn nội dung giáo dục với thực tiễn;
- Dạy học thông qua hoạt động tự học, thực hành, vận dụng của người học để hình thành, phát triển vững chắc năng lực của người học qua hoạt động.

Chương trình giáo dục phổ thông mới của nước ta đã vận dụng những kinh nghiệm nói trên để đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục, cụ thể là:

+ Dạy học phân hóa

Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành có nội dung giáo dục gần như đồng nhất cho tất cả học sinh; yêu cầu cá thể hóa và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, ngay cả ở cấp trung học phổ thông, chưa được xác định rõ ràng.

Trong giai đoạn giáo dục cơ bản, chương trình giáo dục phổ thông mới một mặt thực hiện giáo dục toàn diện và tích hợp, mặt khác, thiết kế một số môn học và hoạt động giáo dục theo các học phần, chủ đề, tạo điều kiện cho học sinh lựa chọn những học phần hoặc chủ đề phù hợp với sở thích và năng lực của bản thân. Trong giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, bên cạnh một số môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, học sinh được lựa chọn những môn học, học phần và chuyên đề phù hợp với sở thích, năng lực và định hướng nghề nghiệp của mình.

+ Dạy học tích hợp

Dạy học tích hợp là định hướng dạy học giúp học sinh phát triển khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong đời sống, qua đó phát triển được năng lực cần thiết, nhất là năng lực giải quyết vấn đề. Tính tích hợp thể hiện qua sự huy động, kết hợp, liên hệ các yếu tố có liên quan với nhau của nhiều lĩnh vực, nhiều môn học để giải quyết có hiệu quả một vấn đề và thường đạt được nhiều mục tiêu khác nhau.

Dạy học tích hợp là xu thế chung của chương trình giáo dục phổ thông các nước. Ở Việt Nam, dạy học tích hợp đã được thực hiện trong chương trình hiện hành. Tuy nhiên, so với chương trình hiện hành, chủ trương dạy học tích hợp trong chương trình giáo dục phổ thông mới có một số điểm khác như: tăng cường tích hợp nhiều nội dung trong cùng một môn học, xây dựng một số môn học tích hợp mới ở các cấp học, tinh thần chung là tích hợp mạnh ở các lớp học dưới và phân hoá dần ở các lớp học trên; yêu cầu tích hợp được thể hiện cả trong mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục.

Ở cấp tiểu học, chương trình giáo dục phổ thông mới tiếp tục xây dựng một số môn học có tính tích hợp trên cơ sở phát triển các môn học tích hợp đã có như: Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lí, Khoa học.

Ở cấp trung học cơ sở, chương trình giáo dục phổ thông mới xây dựng hai môn học mới có tính tích hợp là: (i) Khoa học tự nhiên (được hình thành chủ yếu từ các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học trong chương trình hiện hành); (ii) Lịch sử và Địa lí (được hình thành chủ yếu từ các môn Lịch sử, Địa lí trong chương trình hiện hành).

Ở cả ba cấp học còn có một hoạt động giáo dục tích hợp là Hoạt động trải nghiệm (tiểu học) và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (trung học cơ sở và trung học phổ thông).

+ Dạy học thông qua hoạt động tích cực của người học

Trong thời gian qua, hình thức tổ chức giáo dục trong giáo dục phổ thông ở nước ta chủ yếu là dạy học trên lớp, chưa coi trọng việc tổ chức các hoạt động xã hội, hoạt động trải nghiệm. Phương pháp giáo dục nhìn chung còn lạc hậu, chủ yếu là truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng dạy cách học và phát huy tính chủ động, khả năng sáng tạo của học sinh.

Đặc điểm chung của các phương pháp giáo dục được áp dụng trong chương trình giáo dục phổ thông mới là tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển. Các hoạt động học tập của học sinh bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống) được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu như học lí thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia seminar, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. Tùy theo mục tiêu cụ thể và tính chất của hoạt động, học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Tuy nhiên, dù làm việc độc lập,

theo nhóm hay theo đơn vị lớp, mỗi học sinh đều phải được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

4. Kế hoạch dạy học

4.1. Cấp tiểu học

a. Các môn học và hoạt động giáo dục

- Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Tiếng Việt; Toán; Đạo đức; Ngoại ngữ 1 (ở lớp 3, lớp 4, lớp 5); Tự nhiên và xã hội (ở lớp 1, lớp 2, lớp 3); Lịch sử và Địa lí (ở lớp 4, lớp 5); Khoa học (ở lớp 4, lớp 5); Tin học và Công nghệ (ở lớp 3, lớp 4, lớp 5); Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Hoạt động trải nghiệm (trong đó có nội dung giáo dục của địa phương).

Nội dung môn học Giáo dục thể chất được thiết kế thành các học phần (mô-đun); nội dung Hoạt động trải nghiệm được thiết kế thành các chủ đề; học sinh được lựa chọn học phần, chủ đề phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

- Các môn học tự chọn (dạy ở những nơi có đủ điều kiện dạy học và phụ huynh học sinh có nguyện vọng): Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 1 (dạy ở lớp 1, lớp 2).

b. Thời lượng giáo dục

Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học. Mỗi tiết học từ 35 phút đến 40 phút.

Cơ sở giáo dục chỉ có điều kiện tổ chức dạy học 6 buổi/tuần không bố trí dạy học các môn học tự chọn.

Cơ sở giáo dục chỉ có điều kiện tổ chức dạy học 5 buổi/tuần thực hiện kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

4.2. Cấp trung học cơ sở

a) Tổng hợp kế hoạch giáo dục trung học cơ sở

Nội dung giáo dục	Số tiết/năm học
-------------------	-----------------

	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1. Môn học bắt buộc				
Ngữ văn	140	140	140	140
Toán	140	140	140	140
Ngoại ngữ 1	105	105	105	105
Giáo dục công dân	35	35	35	35
Lịch sử và Địa lí	105	105	105	105
Khoa học tự nhiên	140	140	140	140
Công nghệ	35	35	52	52
Tin học	35	35	35	35
Giáo dục thể chất	70	70	70	70
Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	70	70	70	70
2. Hoạt động giáo dục bắt buộc				
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105	105
3. Nội dung giáo dục bắt buộc của địa phương	35	35	35	35
4. Môn học tự chọn				
Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	105	105
Ngoại ngữ 2	105	105	105	105
Tổng số tiết học/năm học <i>(không kể các môn học tự chọn)</i>	1015	1015	1032	1032
Số tiết học trung bình/tuần <i>(không kể các môn học tự chọn)</i>	29	29	29,5	29,5

b) Nội dung giáo dục

- Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lí; Khoa học tự nhiên; Công nghệ; Tin học; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật; Hoạt động trải nghiệm; Nội dung giáo dục của địa phương.

Mỗi môn học Công nghệ, Tin học, Giáo dục thể chất được thiết kế thành các học phần; Hoạt động trải nghiệm được thiết kế thành các chủ đề; học sinh được lựa chọn học phần, chủ đề phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc đều tích hợp nội dung giáo dục hướng nghiệp; ở lớp 8 và lớp 9, các môn học Công nghệ, Tin học, Khoa học tự nhiên, Nghệ thuật, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm và Nội dung giáo dục của địa phương có học phần hoặc chủ đề về nội dung giáo dục hướng nghiệp.

- Các môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

c) Thời lượng giáo dục

Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học. Khuyến khích các trường trung học cơ sở đủ điều kiện thực hiện dạy học 2 buổi/ngày theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

4.3. Cấp trung học phổ thông

a) Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục trung học phổ thông

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
1. Môn học bắt buộc	Ngữ văn	105
	Toán	105
	Ngoại ngữ 1	105
	Giáo dục thể chất	70
	Giáo dục quốc phòng và an ninh	35
2. Môn học được lựa chọn		

Nhóm Khoa học xã hội	Lịch sử	70
	Địa lí	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70
Nhóm Khoa học tự nhiên	Vật lí	70
	Hoá học	70
	Sinh học	70
Nhóm Công nghệ và Nghệ thuật	Công nghệ	70
	Tin học	70
	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	70
3. Hoạt động giáo dục bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105
4. Chuyên đề học tập bắt buộc (3 cụm chuyên đề)		105
5. Nội dung giáo dục bắt buộc của địa phương		35
6. Môn học tự chọn		
Tiếng dân tộc thiểu số		105
Ngoại ngữ 2		105
Tổng số tiết học/năm học (không kể các môn học tự chọn)		1015
Số tiết học trung bình/tuần (không kể các môn học tự chọn)		29

b) Nội dung giáo dục

- Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hoạt động trải nghiệm; Nội dung giáo dục của địa phương.

Môn Giáo dục thể chất được thiết kế thành các học phần; Hoạt động trải nghiệm được thiết kế thành các chủ đề; học sinh được lựa chọn học phần, chủ đề phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

- Các môn học được lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp:

+ Nhóm môn Khoa học xã hội: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

+ Nhóm môn Khoa học tự nhiên: Vật lí, Hóa học, Sinh học.

+ Nhóm môn Công nghệ và Nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật. Nội dung mỗi môn học thuộc nhóm này được thiết kế thành các học phần, học sinh được lựa chọn học phần phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Học sinh phải lựa chọn 5 môn học từ 3 nhóm môn học trên, mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn.

- Các chuyên đề học tập: Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học giúp học sinh tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập từ 10 đến 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn là 35 tiết. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, học sinh lựa chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và điều kiện tổ chức của nhà trường.

Các trường có thể xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường.

- Các môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

c) Thời lượng giáo dục

Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học. Mỗi tiết học 45 phút.

Khuyến khích các trường trung học phổ thông đủ điều kiện thực hiện dạy học 2 buổi/ngày theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

5. Phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục

5.1. Phương pháp giáo dục

Các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.

Các hoạt động học tập của học sinh bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng học tập và công cụ khác, đặc biệt là công cụ tin học và các hệ thống tự động hóa của kỹ thuật số.

Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia xêmina, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tùy theo mục tiêu cụ thể và tính chất của hoạt động, học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Tuy nhiên, dù làm việc độc lập, theo nhóm hay theo đơn vị lớp, mỗi học sinh đều phải được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

5.2. Đánh giá kết quả giáo dục

Trong chương trình giáo dục phổ thông mới, việc đánh giá học sinh sẽ có những thay đổi căn bản. Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và chương trình các môn học, hoạt động giáo dục. Việc đánh giá thường xuyên do giáo viên phụ trách môn học tổ chức, dựa trên kết quả đánh giá của giáo viên, của phụ huynh học sinh, của bản thân học sinh được đánh giá và của các học sinh khác trong tổ, trong lớp. Việc đánh giá định kỳ

do cơ sở giáo dục tổ chức để phục vụ công tác quản lý các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình. Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lý các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ công tác phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

Theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, Bộ GDĐT sẽ nghiên cứu từng bước áp dụng các thành tựu của khoa học đo lường, đánh giá trong giáo dục và kinh nghiệm quốc tế vào việc nâng cao chất lượng đánh giá kết quả giáo dục, xếp loại học sinh ở cơ sở giáo dục và sử dụng kết quả đánh giá trên diện rộng làm công cụ kiểm soát chất lượng đánh giá ở cơ sở giáo dục, hỗ trợ mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học của chương trình giáo dục phổ thông mới.

6. Tính kế thừa và đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông mới so với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành

6.1. Tính kế thừa

Tính kế thừa của chương trình giáo dục phổ thông mới đối với chương trình hiện hành thể hiện rõ ở những điểm sau:

- Về mục tiêu giáo dục, chương trình mới vẫn tiếp tục được xây dựng trên quan điểm coi mục tiêu giáo dục phổ thông là giáo dục con người toàn diện, giúp học sinh phát triển về đức, trí, thể, mỹ.

- Về phương châm giáo dục, chương trình mới tiếp tục kế thừa các phương châm giáo dục nền tảng như “Học đi đôi với hành”, “Lí luận gắn liền với thực tiễn”, “Giáo dục nhà trường gắn liền với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội”.

- Về nội dung giáo dục, chương trình mới vẫn tiếp tục tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa dân tộc, bảo đảm phù hợp với đặc điểm con người và văn hóa Việt Nam.

Bên cạnh một số kiến thức được cập nhật để phù hợp với những thành tựu mới của khoa học - công nghệ và định hướng mới của chương trình, kiến thức nền tảng của

các môn học trong chương trình giáo dục phổ thông mới chủ yếu là những kiến thức cốt lõi, tương đối ổn định trong các lĩnh vực tri thức của nhân loại, được kế thừa từ chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, nhưng được tổ chức lại để giúp học sinh phát triển phẩm chất và năng lực một cách hiệu quả hơn. Những kiến thức nặng tính kinh viện không thích hợp với học sinh phổ thông sẽ được tinh giảm.

- Về hệ thống môn học, hầu hết tên các môn học được giữ nguyên như chương trình hiện hành. Trong chương trình mới, chỉ có môn Tin học và Công nghệ, Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học, Lịch sử và Địa lí, Khoa học tự nhiên ở trung học cơ sở và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trung học cơ sở, trung học phổ thông, Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trung học phổ thông là những tên gọi mới.

Việc đổi tên môn Kỹ thuật ở tiểu học thành Tin học và Công nghệ là do chương trình mới bổ sung phần Tin học và tổ chức lại nội dung phần Kỹ thuật. Tuy nhiên, trong chương trình hiện hành, môn Tin học đã được dạy từ lớp 3 như một môn tự chọn.

Ở trung học cơ sở, môn Khoa học tự nhiên gồm ba phân môn Vật lí, Hóa học, Sinh học và một số chủ đề tích hợp; môn Lịch sử và Địa lí cũng gồm hai phân môn Lịch sử, Địa lí và một số chủ đề tích hợp tương tự.

Hoạt động trải nghiệm hoặc Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cả ba cấp học cũng là một nội dung quen thuộc vì được xây dựng trên cơ sở các hoạt động giáo dục tập thể như chào cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt Sao Nhi đồng, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (tham quan, lao động, hướng nghiệp, thiện nguyện, phục vụ cộng đồng,...) trong chương trình hiện hành.

- Về thời lượng dạy học, tuy chương trình mới có thực hiện giảm tải so với chương trình hiện hành nhưng những tương quan về thời lượng dạy học giữa các môn học không có sự xáo trộn.

- Về phương pháp giáo dục, phương pháp giáo dục mới phát huy tính tích cực của học sinh, khắc phục nhược điểm của phương pháp truyền thụ một chiều. Từ nhiều năm nay, Bộ GDĐT đã phổ biến và chỉ đạo áp dụng nhiều phương pháp giáo dục mới

(như mô hình trường học mới, phương pháp “bàn tay nặn bột”, giáo dục STEM,...); do đó, hầu hết giáo viên các cấp học đã được làm quen, nhiều giáo viên đã vận dụng thành thạo các phương pháp giáo dục mới.

6.2. Sự phát triển, đổi mới

Để thực hiện mục tiêu đổi mới, chương trình giáo dục phổ thông mới vừa phải kế thừa và phát triển những ưu điểm của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, vừa phải khắc phục những hạn chế, bất cập của chương trình này. Những điểm cần khắc phục cũng chính là những khác biệt chủ yếu của chương trình giáo dục phổ thông mới so với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, cụ thể như sau:

- Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành được xây dựng theo mô hình định hướng nội dung, nặng về truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng giúp học sinh vận dụng kiến thức học được vào thực tiễn. Theo mô hình này, kiến thức vừa là “chất liệu”, “đầu vào” vừa là “kết quả”, “đầu ra” của quá trình giáo dục. Vì vậy, học sinh phải học và ghi nhớ rất nhiều nhưng khả năng vận dụng vào đời sống rất hạn chế.

Chương trình giáo dục phổ thông mới được xây dựng theo mô hình phát triển năng lực, thông qua những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực hóa hoạt động của người học, giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực mà nhà trường và xã hội kỳ vọng. Xuất phát điểm của quá trình xây dựng chương trình theo mô hình này là mục tiêu của giáo dục, được cụ thể hóa thành những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi cần thiết cho tất cả mọi người. Các môn học và hoạt động giáo dục nhằm giúp học sinh có được những phẩm chất và năng lực được mô tả trong chương trình. Theo cách này, kiến thức được dạy học không nhằm mục đích tự thân. Nói cách khác, giáo dục không phải để truyền thụ kiến thức mà nhằm giúp học sinh hoàn thành các công việc, giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống nhờ vận dụng hiệu quả và sáng tạo những kiến thức đã học. Quan điểm này được thể hiện nhất quán ở nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục.

- Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành có nội dung giáo dục gần như đồng nhất cho tất cả học sinh; việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh, ngay cả ở cấp trung học phổ thông chưa được xác định rõ ràng.

Chương trình giáo dục phổ thông mới phân biệt rõ hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12). Trong giai đoạn giáo dục cơ bản, chương trình thực hiện lồng ghép những nội dung liên quan với nhau của một số môn học trong chương trình hiện hành để tạo thành môn học tích hợp, thực hiện tinh giản, tránh chồng chéo nội dung giáo dục, giảm hợp lý số môn học; đồng thời thiết kế một số môn học (Tin học và Công nghệ, Tin học, Công nghệ, Giáo dục thể chất) theo các học phần, thiết kế Hoạt động trải nghiệm, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo các chủ đề, tạo điều kiện cho học sinh lựa chọn những học phần, chủ đề phù hợp với sở thích và năng lực của học sinh. Trong giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, bên cạnh một số môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, học sinh được lựa chọn những môn học, học phần và chuyên đề phù hợp với sở thích, năng lực và định hướng nghề nghiệp của mình.

- Trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, sự kết nối giữa chương trình các cấp học trong một môn học và giữa chương trình các môn học chưa chặt chẽ; một số nội dung giáo dục bị trùng lặp, chồng chéo hoặc chưa thật sự cần thiết đối với học sinh phổ thông.

Chương trình giáo dục phổ thông mới chú ý hơn đến tính kết nối giữa chương trình của các lớp học, cấp học trong từng môn học và giữa chương trình của các môn học trong từng lớp học, cấp học. Việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, lần đầu tiên được thực hiện tại Việt Nam, đặt cơ sở cho sự kết nối này.

- Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành thiếu tính mở nên hạn chế khả năng chủ động và sáng tạo của địa phương và nhà trường cũng như của tác giả sách giáo khoa và giáo viên.

Chương trình giáo dục phổ thông mới bảo đảm định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi, bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương và nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối

tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục, góp phần bảo đảm kết nối hoạt động của nhà trường với gia đình, chính quyền và xã hội.

B. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới tại các địa phương, cơ sở giáo dục trung học phổ thông

Trong những năm tới, theo lộ trình đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, ngành giáo dục vừa phải thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, đồng thời phải thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới cho học sinh phổ thông. Các sở GDĐT và các trường trung học phổ thông cần tập trung triển khai các nội dung cụ thể sau đây:

I. Đối với sở giáo dục và đào tạo

Tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh/thành phố để xây dựng kế hoạch thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới theo các lộ trình, từ năm học 2020 - 2021; chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực, có những giải pháp khắc phục khó khăn, triển khai thực hiện có hiệu quả cao nhất phù hợp với tiến độ của trung ương và điều kiện hoàn cảnh của địa phương. Cụ thể:

1. Tổ chức tập huấn, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT về đổi mới chương trình phổ thông; nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh về đổi mới, chủ động tuyên truyền, phổ biến ngay sau khi văn bản được ban hành.

2. Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu giáo viên ở từng môn học, lớp học, cấp học; chủ động xây dựng kế hoạch sắp xếp, bổ sung đội ngũ giáo viên và phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên để tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng giáo viên để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

3. Tổ chức rà soát, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Điều chỉnh, sắp xếp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; đẩy mạnh phong trào tự làm thiết bị dạy học, học liệu điện tử,...

5. Bố trí ngân sách địa phương, lồng ghép có hiệu quả và sử dụng đúng mục đích nguồn vốn từ các chương trình, đề án, dự án; huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

6. Đẩy mạnh truyền thông về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông tại địa phương; biểu dương kịp thời gương người tốt, việc tốt trong thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

7. Tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện, hàng năm gửi Bộ GDĐT.

II. Đối với các trường trung học phổ thông

1. Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn giáo viên, nhân viên, học sinh chủ động triển khai kế hoạch thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông của trường theo kế hoạch của sở và lộ trình phù hợp với điều kiện của địa phương, nhà trường.

2. Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu giáo viên từng môn học, lớp học; chủ động đề xuất kế hoạch sắp xếp, bổ sung đội ngũ giáo viên và cử giáo viên tham gia tập huấn, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

3. Chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch tổ/nhóm chuyên môn, kế hoạch cá nhân; dự báo những thuận lợi, khó khăn và đề xuất những giải pháp giải quyết khó khăn khi thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

4. Tổ chức rà soát, sửa chữa, sắp xếp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung thiết bị dạy học và lựa chọn sách giáo khoa để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; khuyến khích giáo viên tự làm thiết bị dạy học, học liệu điện tử,...

5. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục; sử dụng đúng mục đích nguồn vốn từ các chương trình, đề án, dự án; huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

6. Phối kết hợp với các cơ quan thông tin - truyền thông tại địa phương đẩy mạnh truyền thông với cha mẹ học sinh và xã hội về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; chỉ đạo thi đua tìm hiểu văn bản, tư liệu, tài liệu chuyên môn cho giáo viên trong thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

7. Có kế hoạch kiểm tra, giám sát thường xuyên công việc để kịp thời phát hiện những khó khăn và có các biện pháp xử lý hiệu quả khi phát sinh; tổng hợp ý kiến các tổ/nhóm chuyên môn và báo cáo sở GDĐT trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

III. Đối với các tổ/nhóm chuyên môn

1. Chủ động triển khai kế hoạch thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình kế hoạch của nhà trường.

2. Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu giáo viên môn học, lớp học; chủ động đề xuất hoàn thiện đội ngũ và cử giáo viên bộ môn tham gia tập huấn bồi dưỡng để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

3. Chủ động xây dựng kế hoạch tổ/nhóm chuyên môn, đôn đốc giáo viên xây dựng Kế hoạch cá nhân, dự đoán những thuận lợi, khó khăn và đề xuất những giải pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn nghiệp vụ khi thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

4. Tổ chức rà soát, đề xuất sửa chữa, sắp xếp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; đề xuất kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học và lựa chọn sách giáo khoa môn học để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

5. Đẩy mạnh việc tự làm thiết bị dạy học và xây dựng học liệu điện tử môn học trong thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

6. Có kế hoạch cử giáo viên môn học tham gia công tác tuyên truyền; chủ động tìm hiểu văn bản, tư liệu, tài liệu chuyên môn của môn học trong thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

7. Có kế hoạch kiểm tra chéo công việc của các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn để kịp thời phát hiện, báo cáo lãnh đạo nhà trường về những khó khăn và có các biện pháp xử lý hiệu quả khi phát sinh; tổng hợp ý kiến và báo cáo lãnh đạo nhà trường trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

IV. Đối với giáo viên

1. Chủ động sáng tạo trong thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình kế hoạch của tổ/nhóm chuyên môn và kế hoạch của nhà trường.

2. Tích cực tham gia tập huấn đầy đủ và có chất lượng các buổi tập huấn do trường, sở, bộ tổ chức; sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng và chủ động trao đổi các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ trong tổ/nhóm chuyên môn để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

3. Chủ động xây dựng Kế hoạch cá nhân, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, chuẩn bị giáo án theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, dự đoán những thuận lợi, khó khăn và đề xuất những giải pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn nghiệp vụ khi thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

4. Đẩy mạnh việc tự làm thiết bị dạy học và xây dựng học liệu điện tử môn học học theo phân công của tổ/nhóm chuyên môn trong thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

5. Chủ động tự học bồi dưỡng, tự tìm hiểu văn bản, tư liệu, tài liệu chuyên môn đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá mới; tìm hiểu ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục phát triển bền vững, giáo dục sử dụng năng lực, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục STEM, dạy học gắn với thực tiễn, định hướng phân luồng học sinh... tích hợp, lồng ghép vào môn học hiệu quả trong thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

6. Thực hiện dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh theo đúng các văn bản quy định; Chủ động báo cáo, phát hiện, đề xuất biện pháp xử lý hiệu quả khi phát sinh những khó khăn vướng mắc trong thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Câu hỏi thảo luận:

1. Anh (Chị) hiểu như thế nào về chương trình giáo dục phổ thông phát triển phẩm chất và năng lực? Những điểm mới nổi bật của chương trình giáo dục phổ thông mới là gì?

2. Chương trình giáo dục phổ thông mới có thể giải quyết được những hạn chế nào của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành?

3. Có những đổi mới nào Anh (Chị) mong muốn mà chưa được thể hiện trong chương trình giáo dục phổ thông mới?

4. Những khó khăn, thách thức nào các địa phương và nhà trường gặp phải khi triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới?

5. Vai trò, trách nhiệm của nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên trong việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

6. Những đề xuất của anh (chị) đối với Bộ GDĐT khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.